

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH KIÊN GIANG

BẢNG THEO DÕI ĐỘ MẶN KHU VỰC TỈNH KIÊN GIANG

Ngày cập nhật 19/5/2023

1. Dự báo, cảnh báo xu thế xâm nhập mặn

- Độ mặn có xu thế lên chậm đến ngày 20/05. Đỉnh mặn trong ngày xuất hiện từ khoảng 18h đến 23h.
- Khu vực từ thị trấn Gò Quao trở ra biển không có khả năng xuất hiện nước ngọt.
- Người dân cần kiểm tra độ mặn trước khi sử dụng.

2. Bảng số liệu độ mặn thực đo.

STT	Trạm	Sông/ Kênh	Khoảng cách tới biển (km)	Địa chỉ/ vị trí đo	Độ mặn cao nhất (Smax, ‰)			Smax đến 7h 19/05	So sánh cùng kỳ (%)			
					16/05	17/05	18/05		Smax 10 ngày (09/05-18/05)	2022	2018	TBNN (2012-2022)
1	Xẻo Rô (KTTV)	Cái Lớn	8.0	Tây Yên A, An Biên					18.5	14.6 ▲		6.5 ▲
2	HL Cống Cái Lớn (CLCB)	Cái Lớn	11.0	Bình An, Châu Thành	9.6	10.8	12.1	15.3	18.3	15.4 ▲		
3	TL Cống Cái Lớn (CLCB)	Cái Lớn	12.0	Bình An, Châu Thành	9.4	9.9	11.4	14.3	18.0	14.8 ▲		
4	C.Cả Mới Nhỏ (MeKong)	Cái Lớn	14.0	Thới Quản, Gò Quao	6.6	7.3	8.4	6.7	11.9	9.4 ▲		
5	Đông Yên (CLCB)	Cái Lớn	18.0	Đông Yên, An Biên	8.1	7.9	8.6	8.1	16.8	13.4 ▲		
6	Phà Thủy Liễu (Mekong)	Kênh Cao Bằng(Cái Lớn)	28.0	Thủy Liễu, Gò Quao	4.1	3.9	4.0	3.7	7.3	5.1 ▲		
7	Gò Quao (KTTV)	Cái Lớn	35.0	TT Gò Quao					9.6	7.2 ▲		3.4 ▲
8	Gò Quao (CLCB)	Cái Lớn	38.0	TT Gò Quao	3.5	4.0	4.2	3.8	8.0	5.9 ▲		
9	Kênh 5 Dàn (Mekong)	Cái Lớn	49.0	Vĩnh Phước B, GQ	0.5	0.5	0.9	0.6	3.0			

STT	Trạm	Sông/ Kênh	Khoảng cách tới biển (km)	Địa chỉ/ vị trí đo	Độ mặn cao nhất (Smax, ‰)			Smax đến 7h 19/05	So sánh cùng kỳ (‰)			
					16/05	17/05	18/05		Smax 10 ngày (09/05-18/05)	2022	2018	TBNN (2012-2022)
10	Cầu Cái Tư (CLCB)	Cái Lớn	55.0	Vĩnh Hòa Hưng Nam, GQ	0.2	0.2	0.3	0.2	0.5	0.3 ▲		
11	Ngã 3 Đình (CLCB)	Sông Cái Ba Đình		Vĩnh Thuận	9.4	9.2	9.3	7.5	12.9	1.4 ▲		
12	Vĩnh Thuận (CLCB)			TT. Vĩnh Thuận	26.5	25.8	26.5	23.7	27.3	14.5 ▲		
13	Xẻo Quao (CLCB)			xã Đông Thái, An Biên	19.7	18.1	16.6	14.4	19.9	10.9 ▲		
14	Xẻo Cạn (CLCB)			xã Thạnh Yên, U Minh Thượng	4.1	3.1	3.1	3.2	5.4	0.1 ◀▶		
15	An Ninh (KTTV)	Cái Bé	8.0	Bến phà cũ Tắc Cậy					12.1	9.2 ▲	7.6 ▲	1.0 ▲
16	TL Cống Cái Bé (CLCB)	Cái Bé	11.0	Bình An, Châu Thành	1.7	3.3	5.2	6.5	9.0	7.7 ▲		
17	Trâm Bầu (CLCB)	Kênh Trâm Bầu (Cái Bé)	27.0	Mình Hòa, Châu Thành	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.1 ◀▶		
18	Long Thạnh (KTTV)	Cái Bé	30.0	Cầu Bến Nhất					0.1	0.0 ◀▶	0.0 ◀▶	-1.4 ▼
19	Thanh Lộc (KTTV)	Kênh Cái Sắn		Ngang Cầu Quảng	0.3	0.4	5.9		7.5			
20	Rạch Giá (KTTV)	Kiên	1.0	Cầu Trần Phú					1.0	0.8 ▲		0.5 ▲
21	Sóc Cung (KTTV)	RG-LX	6.0	Cầu 5 Đò					0.1	0.0 ◀▶		-0.6 ▼

Chú thích: ▲ cao hơn; ▼ thấp hơn; ◀▶ xấp xỉ

CLCB: trạm đo DA HTTL Cái Lớn Cái Bé; KTTV: trạm đo mạng lưới KTTV; Mekong: Cty RYNAN

3. Ghi chú:

- Độ mặn trạm Rạch Giá bị ảnh hưởng bởi quá trình đóng mở cống Sông Kiên;
- Khoảng cách tới biển là khoảng cách uốn lượn theo sông;
- Ô trống số liệu: Không có số liệu đo hoặc số liệu so sánh.